

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ SÓC TRĂNG, TỈNH SÓC TRĂNG

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật Tố tụng Dân sự;

Căn cứ vào các Điều 55, 81, 82 và Điều 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình;

Căn cứ Luật phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc hôn nhân và gia đình thụ lý số 84/2020/TLST-VHNGĐ ngày 13 tháng 8 năm 2020 về việc yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, nuôi con, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

Người yêu cầu giải quyết việc hôn nhân và gia đình:

1. Bà **Quách Tiên T**, sinh năm 1979.

Địa chỉ: Số 610/50/2, đường MĐC, khóm S, phường L, thành phố S, tỉnh Sóc Trăng.

2. Ông **Lâm Phước L**, sinh năm 1979.

Địa chỉ: Số 610/50/2, đường MĐC, khóm S, phường L, thành phố S, tỉnh Sóc Trăng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Bà Quách Tiên T và ông Lâm Phước L kết hôn năm 2000, có đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân phường 4, thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng cấp Giấy chứng nhận kết hôn ngày 30/6/2003. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2012 thì phát sinh nhiều mâu thuẫn, không hàn gắn được nên bà T và ông L đã sống ly thân từ năm 2012 cho đến nay. Do quá trình chung sống ông, bà phát sinh nhiều mâu thuẫn không hàn gắn được nên bà T và ông L yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn cho ông, bà. Xét thấy, bà T và ông L đã vi phạm nghiêm trọng nghĩa vụ của vợ chồng, đó là không thương yêu, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau, không sống chung với nhau; làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài và mục đích của hôn nhân cũng không đạt được nên căn cứ Điều 55 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, công nhận sự thuận tình ly

hôn của bà Quách Tiên T và ông Lâm Phước L.

[2] Về con chung: Trong thời gian chung sống bà Quách Tiên T và ông Lâm Phước L có 02 con chung tên Lâm Phước Đ, sinh ngày 10/6/2000 (nam) và Lâm Phước B, sinh ngày 22/8/2003 (nam). Sau khi ly hôn, bà Quách Tiên T và ông Lâm Phước L thống nhất giao cháu Lâm Phước B, sinh ngày 22/8/2003 (nam) cho bà T được tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành, ông L không cấp dưỡng nuôi con. Riêng cháu Lâm Phước Đ, sinh ngày 10/6/2000 (nam) đã trưởng thành, có nghề nghiệp ổn định nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[3] Về tài sản chung: Bà Quách Tiên T và ông Lâm Phước L đều trình bày tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[4] Về nợ chung: Bà Quách Tiên T và ông Lâm Phước L đều tự trình bày không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[5] Về lệ phí Tòa án: Bà Quách Tiên T và ông Lâm Phước L đồng ý chịu là 150.000 đồng. Xét thấy, việc thỏa thuận của ông, bà phù hợp với quy định tại khoản 3 Điều 37 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án nên có cơ sở chấp nhận.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Quách Tiên T và ông Lâm Phước L đều thuận tình ly hôn.

- Về con chung: Bà Quách Tiên T và ông Lâm Phước L đều thống nhất thỏa thuận: Giao cháu Lâm Phước B, sinh ngày 22/8/2003 (nam) cho bà T được tiếp tục trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục, ông L không cấp dưỡng nuôi con.

Riêng cháu Lâm Phước Đ, sinh ngày 10/6/2000 (nam) đã trưởng thành, có nghề nghiệp ổn định nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ông Lâm Phước L có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung theo quy định tại Điều 82 và Điều 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 mà không ai được cản trở.

- Về tài sản chung: Bà Quách Tiên T và ông Lâm Phước L đều trình bày tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Bà Quách Tiên T và ông Lâm Phước L đều trình bày không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Về lệ phí dân sự sơ thẩm: Bà Quách Tiên T và ông Lâm Phước L mỗi người đồng ý chịu là 150.000 đồng nhưng được khấu trừ tiền tạm ứng lệ phí do

bà T và ông L đã nộp theo các biên lai thu số 0004536 và 0004537 cùng ngày 06/8/2020 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng. Bà T và ông L đã nộp xong lệ phí dân sự sơ thẩm.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Sóc Trăng;
- VKSNDTP Sóc Trăng;
- Chi cục THADS - TPST;
- UBND phường 4, thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Đã ký

Lý Bích Khiêm